

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Trung Tâm

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt bò, cà rốt rim hành lá Canh bí su hào, thịt gà hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bún mọc, cà chua, hành lá	Bún mọc, cà chua, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	28	22,000	616,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	16	22,000	352,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>44</b>		<b>968,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	2.50	17,000	42,500	0.95	17,000	16,150	3.5	58,650
2	Dầu ăn	0.15	77,000	11,550	0.10	77,000	7,700	0.25	19,250
3	Nước mắm	0.03	76,000	2,280	0.02	76,000	1,520	0.05	3,800
4	Hạt nêm	0.04	70,000	2,800	0.01	70,000	700	0.05	3,500
5	Hành	0.03	35,000	1,050	0.02	35,000	700	0.05	1,750
6	Thịt bê bỏ bì	1.01	285,000	287,850	0.59	285,000	168,150	1.60	456,000
7	Cà rốt	0.30	20,000	6,000	0.15	20,000	3,000	0.45	9,000
8	Su hào	0.90	15,000	13,500	0.50	15,000	7,500	1.40	21,000
9	Thịt gà	0.25	90,000	22,500	0.15	90,000	13,500	0.40	36,000
10	Cải thảo	0.70	20,000	14,000	0.30	20,000	6,000	1.00	20,000
11	Hành lá	0.02	40,000	800	0.01	40,000	400	0.03	1,200
12	Bún khô	0.50	38,000	19,000	0.30	38,000	11,400	0.8	30,400
13	Thịt lợn	0.22	150,000	33,000	0.13	150,000	19,500	0.35	52,500
14	Cà chua	0.20	25,000	5,000	0.10	25,000	2,500	0.30	7,500
15	Sữa bột Nuvi Grow	0.60	260,000	156,000	0.35	260,000	91,000	0.95	247,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>617,830</b>			<b>349,720</b>		<b>967,550</b>

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 968,000
- Số tiền đã chi: 967,550
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 450

UBND PHƯỜNG HỒNG QUANG  
TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Phú Lâm

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt bò, cà rốt rim hành lá Canh su hào, thịt gà hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bún mọc, cà chua, hành lá	Bún mọc, cà chua, hành lá

II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	18	22,000	396,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	10	22,000	220,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>28</b>		<b>616,000</b>	

III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	1.60	17,000	27,200	0.60	17,000	10,200	2.2	37,400
2	Dầu ăn	0.10	77,000	7,700	0.05	77,000	3,850	0.15	11,550
3	Nước mắm	0.03	76,000	2,280	0.02	76,000	1,520	0.05	3,800
4	Hạt nêm	0.03	70,000	2,100	0.02	70,000	1,400	0.05	3,500
5	Hành	0.03	35,000	1,050	0.02	35,000	700	0.05	1,750
6	Thịt bê bỏ bì	0.65	285,000	185,250	0.35	285,000	99,750	1.00	285,000
7	Cà rốt	0.20	20,000	4,000	0.10	20,000	2,000	0.30	6,000
8	Su hào	0.60	15,000	9,000	0.30	15,000	4,500	0.90	13,500
9	Thịt gà	0.15	90,000	13,500	0.10	90,000	9,000	0.25	22,500
10	Cải thảo	0.40	20,000	8,000	0.20	20,000	4,000	0.60	12,000
11	Hành lá	0.01	40,000	400	0.01	40,000	400	0.02	800
12	Bún khô	0.32	38,000	12,160	0.18	38,000	6,840	0.5	19,000
13	Thịt lợn	0.15	150,000	22,500	0.10	150,000	15,000	0.25	37,500
14	Cà chua	0.13	25,000	3,250	0.07	25,000	1,750	0.20	5,000
15	Sữa bột Nuvi Grow	0.38	260,000	98,800	0.22	260,000	57,200	0.60	156,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>397,190</b>			<b>218,110</b>		<b>615,300</b>

IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 616,000
- Số tiền đã chi: 615,300
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: 700

# TRƯỜNG MẦM NON HỒNG QUANG

Khu Nam Quang

Ngày 11 tháng 04 năm 2026

## I. THỰC ĐƠN

Bữa chính buổi trưa (NT+MG)	Bữa phụ NT	Bữa phụ MG	Bữa chính chiều (NT)
Cơm gạo bắc thơm Thịt bò, cà rốt rim hành lá Canh bí su hào, thịt gà hành lá Sữa Nuvi lắc trái cây	Sữa bột Nuvi Grow School	Sữa bột Nuvi Grow School Bún mọc, cà chua, hành lá	Bún mọc, cà chua, hành lá

## II. TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI:

STT	DIỄN GIẢI	SỐ XUẤT ĂN	TIÊU CHUẨN ĐƯỢC CHI		GHI CHÚ
			Tiền (đồng)	Tổng số (đồng)	
1	CƠM MẪU GIÁO	25	22,000	550,000	
2	CƠM NHÀ TRẺ	18	22,000	396,000	
	<b>TỔNG</b>	<b>43</b>		<b>946,000</b>	

## III. PHÂN THỰC PHẨM TRONG NGÀY

STT	Tên thực phẩm	Mẫu giáo			Cơm nhà trẻ			Tổng cộng	
		SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Đơn giá (đ)	Tiền (đ)	SL (kg)	Tiền (đ)
1	Gạo bắc thơm	2.25	17,000	38,250	1.10	17,000	18,700	3.4	56,950
2	Dầu ăn	0.13	77,000	10,010	0.07	77,000	5,390	0.20	15,400
3	Nước mắm	0.05	76,000	3,800	0.05	76,000	3,800	0.10	7,600
4	Hạt nêm	0.05	70,000	3,500	0.00	70,000	0	0.05	3,500
5	Hành	0.03	35,000	1,050	0.02	35,000	700	0.05	1,750
6	Thịt bê bỏ bì	0.92	285,000	262,200	0.68	285,000	193,800	1.60	456,000
7	Cà rốt	0.15	20,000	3,000	0.10	20,000	2,000	0.25	5,000
8	Su hào	0.75	15,000	11,250	0.55	15,000	8,250	1.30	19,500
9	Thịt gà	0.24	90,000	21,600	0.16	90,000	14,400	0.40	36,000
10	Cải thảo	0.50	20,000	10,000	0.40	20,000	8,000	0.90	18,000
11	Hành lá	0.03	40,000	1,200	0.02	40,000	800	0.05	2,000
12	Bún khô	0.45	38,000	17,100	0.35	38,000	13,300	0.8	30,400
13	Thịt lợn	0.20	150,000	30,000	0.15	150,000	22,500	0.35	52,500
14	Cà chua	0.17	25,000	4,250	0.13	25,000	3,250	0.30	7,500
15	Sữa bột Nuvi Grow	0.52	260,000	135,200	0.38	260,000	98,800	0.90	234,000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>552,410</b>			<b>393,690</b>		<b>946,100</b>

## IV. PHÂN QUYẾT ÁN TRONG NGÀY

- Số tiền được chi: 946,000
- Số tiền đã chi: 946,100
- Số tiền còn thừa:
- Số tiền còn thiếu: -100

